TUẦN 6 TOÁN (TĂNG)

 **Luyện tập: Bảng nhân 9**

**I..YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực đặc thù.

- Củng cố khắc sâu bảng nhân 9. Làm các bài tập có liên quan đến bảng nhân 9

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Giáo viên:

 - Học sinh:

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Hướng dẫn HS ôn tập bảng nhân 9: - Yêu cầu HS hỏi đáp nhau về bảng nhân 9 | - HS hỏi đáp nhau về bảng nhân 9. |
|  - GV yêu cầu 1HS đọc thuộc bảng nhân 9. | - HS đọc thuộc bảng nhân 9. |
|  - HS nêu đặc điểm của bảng nhân 9.*=>GV chốt KT: Bảng nhân 9 có các TS thứ nhất đều là 9, các TS thứ hai là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10, dãy tích là dãy số đếm thêm 9 đơn vị từ 9 đến 90.***2. Luyện tập:**Bài 1:- GV yêu cầu mỗi HS nêu 1 phép nhân trong bảng nhân chín.- GV ghi bảng các phép tính mà HS vừa nêu. | - Bảng nhân 9 có các TS thứ nhất đều là 9, các TS thứ hai là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10, dãy tích là dãy số đếm thêm 9 đơn vị từ 9 đến 90.- HS nêu.- HS nêu lại các phép nhân.  |
| - GV yêu cầu HS đọc lại các phép tính trên bảng.. | - HS đọc lại các phép tính trên bảng. |
| - Các phép tính trên thuộc bảng nhân nào? | - Bảng nhân 9. |
| - Bảng nhân 9 có gì đặc biệt?=> Củng cố việc ghi nhớ bảng nhân 9. | - Bảng nhân 9 có các TS thứ nhất đều là 9, các TS thứ hai là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10, dãy tích là dãy số đếm thêm 9 đơn vị từ 9 đến 90. |

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 2: Tínha.. 9 x 5 + 9 =b. 9 x 4 +9 =c. 9 x 7 + 9 =- Đọc dãy tính phần a.- Dãy tính trên có mấy phép tính, là những phép tính nào? - Em thực hiện các phép tính trên theo thứ tự ntn?- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.- GV thu, chữa một số bài và nhận xét. | - HS nêu yêu cầu của bài tập.- HS đọc dãy tính phần a.- Có hai phép tính nhân và cộng..- Làm phép tính nhân trước, cộng sau.- HS làm bài vào vở. |
| *=> Chốt: Cách lập bảng nhân 9, ghi nhớ bảng nhân 9.* |  |

Bài 3: Mỗi can có 9 lít dầu. Hỏi 6 can như vậy có bao nhiêu lít dầu?

|  |  |
| --- | --- |
| - Yêu cầu HS đọc đề.- GV yêu cầu một số cặp nêu cách làm bài toán.- GV cùng HS tóm tắt bài toán.1 can: 9*l* dầu6 can:...*l* dầu? - GV chữa bài, nhận xét. | - HS đọc đề bài + Phân tích đề theo cặp để tìm cách giải.- Đại diện một số cặp nêu cách làm bài toán.  - 1 HS lên làm bảng lớp, cả lớp làm vào vở.Bài giải Sáu can như vậy có số lít dầu là: 9 x 6 = 54 (l) Đáp số: 54 *l* dầu? |
| *=> GV chốt KT*: *Củng cố giải toán có lời văn bằng 1 phép tính nhân trong bảng nhân 9.* |  |
| \* Bài 4: Tim một số biết rằng lấy số đó chia cho 5 thì được kết quả là 100 bớt đi 91 đơn vị. |  |

3.Vận dụng

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 5: Dựa vào bảng nhân 9, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó.- YCHS suy nghĩ lập đề toán.- Gọi HS nêu đề toán.- GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải.VD1: Mỗi cháu được chia 9 chiếc kẹo. Hỏi 4 cháu được chia bao nhiêu chiếc kẹo?VD2: Mỗi đoạn thẳng dài 9cm. Hỏi 3 đoạn thẳng như thế dài ao nhiêu xăng-ti-mét? GV và HS nhận xét, tuyên dương.**4. Củng cố dặn dò:**- HS đọc lại bảng nhân 9.- Nhắc HS chuẩn bị bài sau: Gấp một số lên một số lần. | - HS nêu yc.- HS suy nghĩ lập đề bài.- HS nêu đề toán.- HS tự giải bài toán.- Nhận xét, đánh giá.- HS nêu câu trả lời khác và cách làm khác. Lựa chọn cách làm ngắn gọn.  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TOÁN (TĂNG)

**Luyện tập: Bảng chia 3**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về bảng chia 3, giải toán có phép tính chia trong bảng chia 3.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chia ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Bảng phụ ghi bài tập 2.

2. Học sinh: Vở ghi

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Khởi động:  |  |
| + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. |  |
| + Hướng dẫn HS ôn tập bảng chia 3: |  |
|  - Yêu cầu HS hỏi đáp nhau về bảng chia 3 | - HS hỏi đáp nhau về bảng chia 3. |
| - HS đọc thuộc bảng chia 3 | - HS đọc thuộc bảng chia 3. |
| - HS nêu đặc điểm của bảng chia 3? | - Bảng chia 3 số bị chia là dãy số đếm thêm 3 đơn vị từ 3 đến 30, các số chia đều là 3, các tích là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10. |
| *- Nhận xét.* |  |
| *=> GV chốt KT: Bảng chia 3 số bị chia là dãy số đếm thêm 3 đơn vị từ 3 đến 30, các số chia đều là 3, các tích là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10.* |
| 2. Luyện tập |  |
| Bài 1: Tính nhẩm |  |
| 6 : 3 = 15 : 3 = 18 : 3 = 12: 3 = 24 : 3 = 3 : 3 =27 : 3 = 9 : 3 = 21 : 3 = |  |
| - Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. | - HS nêu yêu cầu bài. |
| - Gọi 1 HS lên bảng làm, ở dưới làm vào vở.  | - HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở. |
| - Nhận xét, nêu cách làm.*=> GV chốt KT*: *Các phép tính BT1 là các phép chia trong bảng chia 3.*Bài 2: Số? (GV treo bảng phụ) | - Nhận xét.HS nêu cách làm. |
|  … : 3 = 6 4 = 12 : … 9 :… = 3 5 = .. : 5 30 : = 10 9 = 27 : … |  |
| - Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài. | - HS nêu yêu cầu bài. |
| - Yêu cầu HS làm bài. | - HS làm bài. |
| - Nhận xét, nêu cách làm. | - HS giải thích cách điền: Dựa vào bảng chia 3 để tìm số bị chia và số chia. |
|  | - Nhận xét. |
| *=> GV chốt KT*: *Củng cố bảng chia 3.* |  |
| Bài 3: Có 24 quả cam, chia đều vào 3 đĩa. Hỏi mỗi đĩa có bao nhiêu quả cam? |
| - Bài toán cho biết gì, yêu cầu gì ? | - HS đọc đề. |
| - Có tất cả bao nhiêu quả cam? | - Có tất cả 24 quả cam. |
| - Chia đều vào mấy đĩa? | - Chia đều vào 3 đĩa. |
| - Muốn biết mỗi đĩa có bao nhiêu quả cam ta làm phép tính gì? | - Làm phép tính chia. |
| - YC HS tự tóm tắt và trình bày bài giải vào vở. | - HS tóm tắt và trình bày bài giải vào vở. |
|  |  24 quả cam: 3 đĩa 1 đĩa: … quả cam?  |
|  |  Bài giải Một đĩa có số quả cam là: 24 : 3 = 8 (quả) Đáp số: 8 quả cam. |
|  | - 1 HS lên bảng chữa bài, nhận xét. |
|  | - HS lập đề toán tương tự, giải. |
| *=> GV chốt KT*: *Củng cố giải toán có phép chia (trong bảng chia 4).* |
| \* Bài 4: Tìm một số, biết rằng lấy số đó nhân với 3 được kết quả là 27. |
| - Gọi HS nêu yêu cầu của bài. | - HS nêu yêu cầu của bài. |
| - GV YC:  | - HS phân tích đề bài. |
| - YC 1 HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.  | - 1 HS lên bảng làm bài. Lớp làm bài vào vở. |
| - GV + HS nhận xét.  |  |
| => Chốt đáp án đúng:  |  |
| Bài giảiSố đó nhân với 3 thì được kết quả là 27 là: 27 : 3 = 9 Vậy số đó là 9. |
| \* Bài 5: Tìm một số, biết rằng lấy số đó nhân 3 thì được kết quả là 10 cộng với 5. |
| - Gọi HS nêu yêu cầu của bài. | - HS nêu yêu cầu của bài. |
| - GV YC:  | - HS phân tích đề bài. |
| - YC 1 HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.  | - 1 HS lên bảng làm bài. Lớp làm bài vào vở. |
| - GV + HS nhận xét.  |  |
| => Chốt đáp án đúng:  |  |
| Bài giải Số đó nhân 3 thì được kết quả là 10 cộng với 5. Vậy kết quả là 15. Vậy số đó là: 15 : 3 = 5 Đáp số: 5 |
| 3. Vận dụng: |
| Bài 6: Dựa vào bảng chia 3, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó. | - HS nêu yc. |
| - YCHS suy nghĩ lập đề toán. | - HS suy nghĩ lập đề bài. |
| - Gọi HS nêu đề toán. | - HS nêu đề toán, lớp nhận xét. |
| - GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải. | - HS tự giải bài toán.- Nhận xét, đánh giá. |
|  | - HS nêu câu trả lời khác và cách làm khác. Lựa chọn cách làm ngắn gọn. |
| VD: Có 27 học sinh chia đều thành 3 tổ. Hỏi mỗi tổ có mấy học sinh? |  Tóm tắt27 học sinh : 3 tổ 1 tổ: ... học sinh? Bài giảiMỗi tổ có số học sinh là: 27 : 3 = 9 (học sinh) Đáp số: 9 học sinh. |
| *=> GV chốt KT*: *Để tìm số học sinh của mỗi tổ ta thực hiện phép tính chia (27 : 3).* |
| 4. Củng cố, dặn dò: |
| - HS đọc lại bảng chia 3. |  |
| - Nhận xét tiết học. |  |
| - Dặn chuẩn bị bài sau: Bảng chia 4. |  |

-----------------------------------------------------------

TOÁN (TĂNG)

**Luyện tập: Bảng chia 4**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về bảng chia 4, giải toán có phép tính chia trong bảng chia 4

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chia ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Bảng phụ ghi bài tập 2.

2. Học sinh: Vở ghi

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Khởi động:  |  |
| + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. |  |
| + Hướng dẫn HS ôn tập bảng chia 4: |  |
|  - Yêu cầu HS hỏi đáp nhau về bảng chia 4 | - HS hỏi đáp nhau về bảng chia 4. |
| - HS đọc thuộc bảng chia 4. | - HS đọc thuộc bảng chia 4. |
| - HS nêu đặc điểm của bảng chia 4. | - Bảng chia 4 số bị chia là dãy số đếm thêm 4 đơn vị từ 4 đến 40, các số chia đều là 4, các thương là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10. |
| - GV nhận xét. |  |
| *=> GV chốt KT: Bảng chia 4 số bị chia là dãy số đếm thêm 4 đơn vị từ 4 đến 40, các số chia đều là 4, các thương là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10.* |
| 2. Luyện tập |  |
| Bài 1: Tính nhẩm |  |
| 4 : 4 = 12 : 4 = 28 : 4 = 28 : 4 = 36 : 4 = 8 : 4 =16 : 4 = 28 : 4 = 20 : 4 = |  |
| - Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. | - HS nêu yêu cầu bài. |
| - Gọi 1 HS lên bảng làm, ở dưới làm vào vở.  | - HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở. |
| - Nhận xét, nêu cách làm.*=> GV chốt KT*: *Các phép tính BT1 là các phép chia trong bảng chia 4.*Bài 2: Số? (GV treo bảng phụ) | - Nhận xét.HS nêu cách làm. |
|

|  |  |
| --- | --- |
| 32 : ... = 8.... : 4 = 824 : ... = .... | 16 : ... = 4 .... : 4 = 74 : ... = 1 |

 |  |
| - Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài. | - HS nêu yêu cầu bài. |
| - Yêu cầu HS làm bài. | - HS làm bài. |
| - Nhận xét, nêu cách làm. | - HS giải thích cách điền: Dựa vào bảng chia 4 để tìm số bị chia và số chia. |
|  | - Nhận xét. |
| *=> GV chốt KT*: *Củng cố bảng chia 4.* |  |
| Bài 3: Có 24 cái cốc, xếp đều vào 4 bàn. Hỏi mỗi bàn có mấy cái cốc? |
| - Bài toán cho biết gì, yêu cầu gì ? | - HS đọc đề. |
| - Có tất cả bao nhiêu cái cốc? | - Có tất cả 24 cái cốc. |
| - Chia đều vào mấy bàn? | - Chia đều vào 4 bàn. |
| - Muốn biết mỗi bàn có bao nhiêu cái cốc ta làm phép tính gì? | - Làm phép tính chia. |
| - YC HS trình bày bài giải vào vở. | - HS trình bày bài giải vào vở. |
|  |  Bài giải Một đĩa có số quả cam là: 24 : 3 = 8 (quả) Đáp số: 8 quả cam. |
|  | - 1 HS lên bảng chữa bài, nhận xét. |
|  | - HS lập đề toán tương tự, giải. |
| *=> GV chốt KT*: *Củng cố giải toán có phép chia (trong bảng chia 4).* |
| \*Bài 4: Có 16 quả bóng gồm bóng xanh, bóng đỏ, bóng vàng, bóng tím. Số bóng mỗi màu bằng nhau. Hỏi mỗi màu có mấy quả bóng? |
| - Gọi HS nêu yêu cầu của bài. | - HS nêu yêu cầu của bài. |
| - GV YC:  | - HS phân tích đề bài. |
| - YC 1 HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.  | - 1 HS lên bảng làm bài. Lớp làm bài vào vở. |
| - GV + HS nhận xét.  |  |
| => Chốt đáp án đúng:  |  |
| Bài giảiCó 4 màu bóng, số bóng mỗi màu bằng nhau.Vậy số bóng mỗi màu có là:16 : 4 = 4 ( quả bóng)Đáp số: 4 quả bóng |
| 3. Vận dụng: |
| Bài 6: Dựa vào bảng chia 4, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó. | - HS nêu yc. |
| - YCHS suy nghĩ lập đề toán. | - HS suy nghĩ lập đề bài. |
| - Gọi HS nêu đề toán. | - HS nêu đề toán, lớp nhận xét. |
| - GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải. | - HS tự giải bài toán.- Nhận xét, đánh giá. |
|  | - HS nêu câu trả lời khác và cách làm khác. Lựa chọn cách làm ngắn gọn. |
| VD: Mỗi lớp có 28 HS xếp thành 4 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh? |  Bài giảiMỗi hàng có số học sinh là: 28 : 4 = 7 (học sinh) Đáp số: 7 học sinh. |
| *=> GV chốt KT*: *Để tìm số học sinh của mỗi hàng ta thực hiện phép tính chia (28 : 4).* |
| 4. Củng cố, dặn dò: |
| - HS đọc lại bảng chia 4. |  |
| - Nhận xét tiết học. |  |
| - Dặn chuẩn bị bài sau: Bảng chia 6. |  |

-----------------------------------------------------------------

TUẦN 7 TOÁN(tăng)

**Luyện tập bảng chia 6**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Ôn về phép chia trong phạm vi bảng chia 6.

- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point; SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

- HS: Vở ghi

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV yêu cầu HS đọc nối tiếp bảng chia 6. |  - Đọc nối tiếp bảng chia 6 trước lớp. |
| - GV hỏi HS một số phép tính trong bảng chia 6.- GV hỏi HS về cách lập bảng chia 6. | - HS nêu kết quả.- Dựa vào đồ dùng trực quan; dựa vào bảng nhân 6. |
| **2. Luyện tập:** |  |
| Bài 1:  |  |
| - GV yêu cầu mỗi HS nêu 1 phép chia trong bảng chia 6. | - HS nêu phép tính nối tiếp.  |
| - GV ghi các phép tính lên bảng. |  |
| - GV thêm yêu cầu để được yêu cầu của bài 1: Tính nhẩm. | - Nêu cách tính nhẩm. |
| - GV và HS nhận xét, tuyên dương. | - Nêu kết quả nối tiếp. |
| => Chốt cách ghi nhớ bảng chia 6. |  |
| Bài 2: Tính  |  |
| a. 54: 6 + 128 b. 60: 6 + 90 | - XĐ yêu cầu của bài, nêu các bước thực hiện |
|  36: 6 x 5 24: 6 x 4 |  |
| - GV yêu cầu HS thực hiện phần a.\* Khuyến khích HS làm nhanh có thể thực hiện cả hai phần a, b. | - Làm vào vở + Trình bày cách làm. |
| - GV chữa bài, nhận xét. |  |
| => Củng cố về thứ tự thực hiện các phép tính trong một dãy tính có liên quan đến bảng chia 6. |
| Bài 3: Bà có 54 chiếc kẹo, bà chia đều cho 6 cháu. Hỏi mỗi cháu được chia bao nhiêu chiếc kẹo?.

|  |  |
| --- | --- |
| - GV yêu cầu HS đọc đề, phân tích cách làm theo cặp. | - HS đọc đề, phân tích cách làm theo cặp. |
|  | - HS làm bài vào vở. |
| - GV và HS làm bài, chốt đáp án đúng: | - GV và HS chốt cách làm. |
| Mỗi cháu được chia số kẹo là: |  |
|  54 : 6 = 9 (cái kẹo) Đáp số: 9 cái kẹo. |  |
| => Chốt cách giải toán có lời văn liên quan đến bảng chia 6. |  |

 |
| \* Bài 4: Tìm một số, biết rằng số đó nhân với 6 thì bằng 42 cộng với 6. | - Đọc đề, làm bài vào vở, - Nêu cách làm trước lớp. |
| - GV chốt cách làm đúng:Số đó nhân với 6 thì bằng: 42 + 6 = 48Số đó là: 48: 6 = 8 Đáp số: 8 | : |
| => Chốt cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính có liên quan đến bảng chia 6. |
| **3. Vận dụng:**Bài 5: Dựa vào bảng chia 6, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó.- YC HS suy nghĩ lập đề toán.- Gọi HS nêu đề toán.- GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC - HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải.**4. Củng cố dặn dò:** | - HS thực hiện theo yêu cầu của GV.- Một số HS nêu đề toán trước lớp.- HS giải toán vào vở. |
| - Một HS nêu lại bảng chia 6. |  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TOÁN (TĂNG)

**Luyện tập: Bảng chia 7**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về bảng chia 7, giải toán có phép tính chia trong bảng chia7.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chia ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:Bảng phụ ghi bài tập 2.

2. Học sinh:Vở ghi

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  |  |
| + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. |  |
| + Hướng dẫn HS ôn tập bảng chia 7: |  |
|  - Yêu cầu HS hỏi đáp nhau về bảng chia 7 | -HS hỏi đáp nhau về bảng chia 7. |
| - HS đọc thuộc bảng chia 7 | - HS đọc thuộc bảng chia 7. |
| - HS nêu đặc điểm của bảng chia 7. | - Bảng chia 7: số bị chia là dãy số đếm thêm 7đơn vị từ 7 đến 70, các số chia đều là 7, các th­¬ng là dãy số liên tiếp từ 7 đến 70. |
| *- Nhận xét.* |  |
| *=>GV chốt KT: Bảng chia 7 số bị chia là dãy số đếm thêm 7đơn vị từ 7 đến 70, các số chia đều là 7, các tích là dãy số liên tiếp từ 7 đến 70.* |
| **2. Luyện tập** |  |
| Bài 1: Tính nhẩm |  |
| 14 : 7 = 56 : 7 = 70 : 7 = 21: 7 = 63 : 7 = 28 : 7 =49 : 7 = 7 : 7 = 35 : 7 = |  |
| - Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. | - HS nêu yêu cầu bài. |
| - Gọi 1 HS lên bảng làm, ở dưới làm vào vở.  | - HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở. |
| - Nhận xét, nêu cách làm.*=>GV chốt KT*: *Các phép tính BT1 là các phép chia trong bảng chia 7.*Bài 2: TÝnh (GV treo bảng phụ) | - Nhận xét.HS nêu cách làm. |
|  a. 42 : 7 x 5 b. 35 : 7 + 125  c. 21 : 7 x 0 |  |
| - Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài. | - HS nêu yêu cầu bài. |
| - Yêu cầu HS làm bài | - HS làm bài |
| - Nhận xét, nêu cách làm. | - HS giải thích cách tÝnh |
|  | - Nhận xét. |
| *=> GV chốt KT*: *Củng cố c¸ch tÝnh , l­u ý khi nh©n víi 0.* |  |
| Bài 3: Cã 14 gãi t¨m chia ®Òu cho 7 häc sinh. Hỏi mçi häc sinh ®­îc mÊy gãi t¨m? |  |
| - Bài toán cho biết gì, yêu cầu gì ? | - HS đọc đề. |
| - Có tất cả bao nhiêu gãi t¨m? | - Có tất cả 14 gãi t¨m. |
| - Chia cho mấy häc sinh? | - Chia đều 7 häc sinh. |
| - Muốn biết mçi häc sinh ®­îc mÊy gãi t¨m ta làm phép tính gì? | - Làm phép tính chia. |
| - YC HS tự tóm tắt và trình bày bài giải vào vở. | - HS tóm tắt và trình bày bài giải vào vở. |
|  | 14 gãi t¨m: 7 häc sinh. 1 häc sinh: … gãi t¨m?  |
|  |  Bài giải Mçi häc sinh ®­îc sè gãi t¨mlµ: 14 : 7 = 2 (gãi t¨m) Đáp số 2gãi t¨m |
|  | - 1 HS lên bảng chữa bài, nhận xét. |
|  | - HS lập đề toán tương tự, giải. |
| *=> GV chốt KT*: *Củng cố giải toán có phép chia (trong bảng chia 7).**GD t×nh ®oµn kÕt, t­¬ng th©n t­¬ng ¸i cho HS.* |  |
| **Bài \***: Tìm một số, biết rằng lấy số đó nhân víi7 thì được kết quả là 50trõ ®i15. |
| - Gọi HS nêu yêu cầu của bài. | - HS nêu yêu cầu của bài. |
| - GV YC:  | - HS phân tích đề bài. |
| - YC 1 HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.  | - 1 HS lên bảng làm bài. Lớp làm bài vào vở. |
| - GV + HS nhận xét.  |  |
| => Chốt đáp án đúng:  |  |
| Bài giải Số đó nhân víi 7 thì được kết quả là 50 trõ ®i 15. Vậy kết quả là 35. Vậy số đó là: 35 : 7 = 5 Đáp số: 5 |
| **3. VËn dông:**Bài 4: Dựa vào bảng chia 7, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó. | - HS nêu yc. |
| - YCHS suy nghĩ lập đề toán. | - HS suy nghĩ lập đề bài. |
| - Gọi HS nêu đề toán. | - HS nêu đề toán, lớp nhận xét. |
| - GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải. | - HS tự giải bài toán.- Nhận xét, đánh giá. |
|  | - HS nêu câu trả lời khác và cách làm khác. Lựa chọn cách làm ngắn gọn. |
| VD: Cã 42 c¸i cèc ®­îc xÕp ®Òu vµo 7 hép. Hái mçi hép cã mÊy c¸i cèc? |  Tóm tắt42 c¸i cèc : 7 hép. 1 hép : ... c¸i cèc ? Bài giảiMçi hép cã sè c¸i cèclà:42 : 7 = 6 ( c¸i cèc) Đáp số: 6 c¸i cèc. |
| *=> GV chốt KT*: *Để tìm số gãi t¨m của mçi HS ta thực hiện phép tính chia (42 : 7)* | - Nhiều HS đọc. |
| **4. Cñng cè, dÆn dß:**- HS đọc lại bảng chia 7 |  |
| - Nhận xét tiết học. |  |
| - Dặn chuẩn bị bài sau: Bảng chia 8 |  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TOÁN (TĂNG)

**Luyện tập: Gi¶m một số®imét sè lần**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

 - Nhận biết được thế nào là gi¶m ®i một số lần.

 - Biết được cách tìm và tìm được giá trị của một số khi gi¶m ®imột số lần (Muốn gi¶m ®imột số lần, ta lấy số đó chia cho số lần)

 - Vận dụng quy tắc để giải quyết một số bài toán và tình huống gắn với thùc tiễn.

2. Năng lực chung.

[- Năng l](https://blogtailieu.com/)ực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Năng [lực giao tiếp toán họ](https://blogtailieu.com/)c thông qua hoạt động khám phá ki[ến thức mới và hoạt độnggiải quyết các bài toá](https://blogtailieu.com/)n.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên:

- Bảng phụ (bài 1; 3)

2. Học sinh:

-Vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Khởi động:- Nêu ví dụ về bài toán gi¶m ®imột số lần và thực hiện tính kết quả.- Muốn gi¶m ®imột số lần ta làm thế nào?*=> GV chốt KT:Muốn gi¶m ®imột số lần ta lấy số đó chia cho số lần.*2. Luyện tậpBài 1:(BP): Viết số thích hợp vào bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số đã cho | 24 | 30 | 36 |
| Số gi¶m6 lần số đã cho |  |  |  |

- Yêu cầu HS đọc, nêu y/c.- GV gọi hs nêu quy tắc gi¶m ®i một số lần.- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân*=>GV chốt KT:Muốn gi¶m ®imột số lần ta lấy số đó chia cho số lần.*Bài 2: Viết theo mẫu:M: Gi¶m 20kg ®i 5 lần ta được: 20: 5 = 4 (kg)1. Gi¶m 40 m ®i 5 lần ta được:…………
2. Gi¶m 30*l* ®i6 lần ta được:……………
3. Gi¶m35 phút ®i5 lần ta được:…………
4. Gi¶m 30 tuổi ®i 5 lần ta được:…………

- Yêu cầu HS làm bài các nhân vào vở.- Muốn gi¶m ®imột số lần ta làm thế nào?*=> GV chốt KT:Muốn gi¶m ®imột số lần ta lấy số đó chia cho số lần.*Bài 3(BP): Bao thứ nhất đựng 36 kg gạo, gi¶m bao thứ nhất ®i 4 l©nth× ®­îc sè g¹o cñabao thứ hai. Hỏi bao thứ hai đựng bao nhiêu kilôgam gạo?- Yêu cầu tóm tắt bài toán.- Bài toán thuộc dạng toán nào? Ta làm phép tính nào?- Yêu cầu làm bài.- GV cùng HS nhận xét, chốt kq đúng.- Em nào có câu trả lời khác*=>GV chốt KT:Bài toán thuộc dạng Gi¶mmột số®imét sè lần*3.Vận dụng | - Thảo luận nhóm đôi.- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả.- Muốn gi¶m ®imột số lần ta lấy số đó chia cho số lần.- HS lắng nghe.- HS đọc, nêu y/c.- HS trả lời:Muốngi¶m ®imột số lần, ta lấy số đó chia cho số lần- 1HS lên bảng làm, lớp làm nháp. - Lớp nhận xét, chốt kết quả đúng.- HS làm bài cá nhân, chữa bài, đối chiếu bài với bạn.- HS nêu- HS đọc đề- HS tóm tắt bài toán.- Phân tích bài toán theo cặp.- Gi¶m®i một số lần. Làm tính chia.- 1HS lên bảng giải, lớp làm bài vào vở.Đápsố:9 kg gạo.HS nêu |
| Bài 4 (BP): Bµ cã 50 qu¶ trøng, sau khi ®em b¸n th× sè trøng gi¶m ®i 5 lÇn. Hái bµ cßn l¹i bao nhiªu qu¶ trøng?- Gọi HS đọc đề toán | - 2 HS đọc đề toán |
| - Yêu cầu HS hỏi đáp theo cặp+Bµ cã bao nhiªu qu¶ trøng?+ Sau khi ®em b¸n th× sè trøng gi¶m ®imÊy lÇn?+Muốn tính bµ cßn l¹i bao nhiªu qu¶ trøng?ta làm thế nào?- Yêu cầu HS làm bài- Chữa bài, nhận xét | - Trao đổi bài theo cặp+ Bµ cã 50 qu¶ trøng+ Sau khi ®em b¸n th× sè trøng gi¶m ®i5 lÇn+Ta lấy 50 : 5- HS giải vào vở, 1 HS làm bảng lớp. Bài giảiBµ cßn l¹i sè qu¶ trønglà:50 : 5 = 10 (qu¶ trøng) |
|  | Đáp số: 10qu¶ trøng |
| - Gọi HS nêu câu trả lời khác*=> GV chốt KT: Bài toán thuộc dạng Gi¶mmột số®imét sè lần* | HS nêu câu lời giải khác (Số qu¶ trøng cßn l¹ilà) |

4. Cñng cè, dÆn dß:

- Muốn gi¶m một số ®imét sè lầnta làm thế nào?

- Về đọc thuộc lại các bảng nhân, chia đã học.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TUẦN 8

**TOÁN (tăng)**

**Luyện tập bảng chia 8**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Vận dụng Bảng chia 8 để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gần với thực tiễn.

**2. Năng lực.**

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và vở ghi..

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV yêu cầu HS đọc nối tiếp bảng chia 8. |  - Đọc nối tiếp bảng chia 8 trước lớp. |
| - GV hỏi HS một số phép tính trong bảng chia 8.- GV hỏi HS về cách lập bảng chia 8. | - HS nêu kết quả.- Dựa vào đồ dùng trực quan; dựa vào bảng nhân 8. |
| **2. Luyện tập:** |  |
| Bài 1:  |  |
| - GV yêu cầu mỗi HS nêu 1 phép chia trong bảng chia 8. | - HS nêu phép tính nối tiếp.  |
| - GV ghi các phép tính lên bảng. |  |
| - GV thêm yêu cầu để được yêu cầu của bài 1: Tính nhẩm. | - Nêu cách tính nhẩm. |
| - GV và HS nhận xét, tuyên dương. | - Nêu kết quả nối tiếp. |
| => Chốt cách ghi nhớ bảng chia 8. |  |
| Bài 2: Tính  |  |
| a. 48 : 8 + 128 b. 80 : 8 +209 40 : 8 x 135 32 : 8 x 4 | - XĐ yêu cầu của bài, nêu các bước thực hiện |
| - GV yêu cầu HS thực hiện phần a.\* Khuyến khích HS làm nhanh có thể thực hiện cả hai phần a, b. | - Làm vào vở + Trình bày cách làm. |
| - GV chữa bài, nhận xét. |  |
| => Củng cố về thứ tự thực hiện các phép tính trong một dãy tính có liên quan đến bảng chia 8. |
| Bài 3: Có 56 kg gạo chia đều vào 8 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

|  |  |
| --- | --- |
| - GV yêu cầu HS đọc đề, phân tích cách làm theo cặp. | - HS đọc đề, phân tích cách làm theo cặp. |
|  | - HS làm bài vào vở. |
| - GV và HS làm bài, chốt đáp án đúng: | - GV và HS chốt cách làm. |
| Mỗi túi có số ki-lô-gam gạo là: |  |
|  56 : 8 = 7 (kg) Đáp số: 7 kg gạo. |  |
| => Chốt cách giải toán có lời văn liên quan đến bảng chia 8. |  |

 |
| **3. Vận dụng:**Bài 5: Dựa vào bảng chia 8, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó.- YC HS suy nghĩ lập đề toán.- Gọi HS nêu đề toán.- GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC - HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải.**4. Củng cố dặn dò:** | - HS thực hiện theo yêu cầu của GV.- Một số HS nêu đề toán trước lớp.- HS giải toán vào vở. |
| - Một HS nêu lại bảng chia 8. |  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TOÁN (TĂNG)

*Luyện tập: Bảng chia 9*

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố, khắc sâu cho học sinh về bảng chia 9, giải toán có phép tính chia trong bảng chia9.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chia ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:Bảng phụ ghi bài tập 2.

2. Học sinh:Vở ghi

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  |  |
| + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. |  |
| + Hướng dẫn HS ôn tập bảng chia 9: |  |
|  - Yêu cầu HS hỏi đáp nhau về bảng chia 9 | -HS hỏi đáp nhau về bảng chia 9. |
| - HS đọc thuộc bảng chia 9 | - HS đọc thuộc bảng chia 9. |
| - HS nêu đặc điểm của bảng chia 9? | - Bảng chia 9: số bị chia là dãy số đếm thêm 9đơn vị từ 9 đến 90, các số chia đều là 9, các th­¬ng là dãy số liên tiếp từ 9 đến 90. |
| *- Nhận xét.* |  |
| *=>GV chốt KT: Bảng chia 9 số bị chia là dãy số đếm thêm 9đơn vị từ 9 đến 90, các số chia đều là 9, các tích là dãy số liên tiếp từ 9 đến 90.* |
| **2. Luyện tập** |  |
| Bài 1: Tính nhẩm |  |
| 18 : 9 = 27: 9 = 90 : 9 = 36: 9 = 72 : 9 = 45 : 9 =81 : 9 = 9 : 9 = 63 : 9 = |  |
| - Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. | - HS nêu yêu cầu bài. |
| - Gọi 1 HS lên bảng làm, ở dưới làm vào vở.  | - HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở. |
| - Nhận xét, nêu cách làm.*=>GV chốt KT*: *Các phép tính BT1 là các phép chia trong bảng chia 9.*Bài 2: TÝnh (GV treo bảng phụ) | - Nhận xét.HS nêu cách làm. |
| a.72 : 9 x 6 b. 54 : 9 x 5  45 : 9 + 127 36 : 9 + 276 |  |
| - Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài. | - HS nêu yêu cầu bài. |
| - Yêu cầu HS làm bài | - HS làm bài |
| - Nhận xét, nêu cách làm. | - HS giải thích cách tÝnh |
|  | - Nhận xét. |
| *=> GV chốt KT*: *Củng cố c¸ch tÝnh: thùc hiÖn phÐp chia tr­íc.* |  |
| Bài 3: Cã 45kg g¹o chia vµo c¸c tói, mçi tói cã 9kg. Hái cã bao nhiªu tói g¹o? |  |
| - Bài toán cho biết gì, yêu cầu gì ? | - HS đọc đề. |
| - Có tất cả bao nhiêu kg g¹o? | - Có tất cả 45kg g¹o |
| - Chia chomçi tói mÊy kg? | - Chiamçitói cã 9kg. |
| - Muốn biết cã bao nhiªu tói g¹o ta làm phép tính gì? | - Làm phép tính chia. |
| - YC HS tự tóm tắt và trình bày bài giải vào vở. | - HS tóm tắt và trình bày bài giải vào vở. |
|  | 45kg: 9kg.45kg: … tói?  |
|  |  Bài giải Cã sè tói g¹o lµ:45 : 9 = 5 (tói)Đáp số5tói |
|  | - 1 HS lên bảng chữa bài, nhận xét. |
|  | - HS lập đề toán tương tự, giải. |
| *=> GV chốt KT*: *Củng cố giải toán có phép chia (trong bảng chia 9).* |  |
| **Bài \***:: N¨m nay bµ 63 tuæi, gi¶m 9 lÇn tuæi bµvµ bít ®i 2 tuæi th× ®­îc tuæi ch¸u. Hái n¨m nay ch¸u bao nhiªu tuæi? |
| - Gọi HS nêu yêu cầu của bài. | - HS nêu yêu cầu của bài. |
| - GV YC:  | - HS phân tích đề bài. |
| - YC 1 HS lên bảng làm. Lớp làm vào vở.  | - 1 HS lên bảng làm bài. Lớp làm bài vào vở. |
| - GV + HS nhận xét.  |  |
| => Chốt đáp án đúng:  |  |
| C¸ch 1: N¨m nay ch¸u cã sè tuæi lµ: 63 : 9 – 2 = 5 (tuæi) §¸p sè: 5 tuæi | C¸ch 2: Gi¶m 9 lÇn tuæi bµ lµ: 63 : 9 = 7 (tuæi) N¨m nay ch¸u cã sè tuæi  lµ: 7 – 2 = 5 (tuæi) §¸p sè: 5 tuæi. |
|  |
| **3. VËn dông:**Bài 4: Dựa vào bảng chia 9, hãy tự lập một đề toán và giải bài toán đó. | - HS nêu yc. |
| - YCHS suy nghĩ lập đề toán. | - HS suy nghĩ lập đề bài. |
| - Gọi HS nêu đề toán. | - HS nêu đề toán, lớp nhận xét. |
| - GV ghi một số đề toán hay lên bảng, YC HS có thể lựa chọn một trong số các đề toán đó và giải. | - HS tự giải bài toán.- Nhận xét, đánh giá. |
|  | - HS nêu câu trả lời khác và cách làm khác. Lựa chọn cách làm ngắn gọn. |
| VD: Cã 54c¸i cèc ®­îc xÕp ®Òu vµo 9 hép. Hái mçi hép cã mÊy c¸i cèc? |  Tóm tắt54 c¸i cèc : 9 hép. 1 hép : ... c¸i cèc ? Bài giảiMçi hép cã sè c¸i cèclà:54 : 9 = 6 ( c¸i cèc) Đáp số: 6 c¸i cèc. |
| *=> GV chốt KT*: *Để tìm số gãi t¨m của mçi HS ta thực hiện phép tính chia (54: 9)* | - Nhiều HS đọc. |
| **4. Cñng cè, dÆn dß:**- HS đọc lại bảng chia 9 |  |
| - Nhận xét tiết học. |  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TUẦN 9

**TOÁN (TĂNG)**

**Luyện tập: Một phần hai. Một phần tư**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết(thông qua hình ảnh trực quan) về “một phần hai”, “một phần tư”. Biết đọc, viết: $\frac{1}{2}; \frac{1}{4}$

- Tạo thành “một phần hai”, “một phần tư” thông qua thao tác thực hành gấp giấy

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Học sinh: vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| **1. Khởi động:** |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập** |
| **Bài 1**: Khoanh vào chữ cái dưới hình đã được tô màu ½ hình. |  |
| - GV yêu cầu HS đọc đề bài. | - HS đọc yêu cầu. |
| - Yêu cầu HS quan sát các hình và xác định hình nào đã được tô màu $\frac{1}{2}$ hình. | - HS quan sát và xác định hình đã tô màu $\frac{1}{2}$ hình. |
|  | - HS làm cá nhân vào PHT + giải thích cách làm. |
| - GV và HS chốt đáp án: A, C | - HS lắng nghe |
| => Củng cố cách tìm $\frac{1}{2}$ hình của một hình. |  |
| **Bài 2**: Có 28 quả táo chia thành 4 phân bằng nhau. Vậy ¼ số quả táo là..........quả táo. |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc yêu cầu |
| - Yêu cầu HS làm bài | - HS làm bài. |
| - GV + HS chữa bài. | - HS chữa bài và giải thích cách làm. |
| => Củng cố cách tìm một phần mấy của một số. | - HS lắng nghe |
| **Bài 3**: Có 20l mật ong chia đều vào 2 can. Hỏi mỗi can có mấy lít mật ong? |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc yêu cầu |
| - Yêu cầu HS làm bài | - HS làm bài vào vở. |
| - GV + HS chữa bài. | - HS chữa bài. |
| - GV + HS nhận xét. | - HS nhận xét. |
| - Củng cố cách giải bài toán có lời văn. |  |
| **3. Vận dụng** |
| **Bài 4:** Chị có 12 quả táo, chị cho em 1/4 số táo đó. Hỏi chị cho em bao nhiêu quả táo? |
| - Yêu cầu HS đọc thầm bài toán và thảo luận theo nhóm 2. | - HS đọc thầm yêu cầu- HS thảo luận nhóm 2. |
| + Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Muốn biết chị cho em bao nhiêu quả táo ta làm như thế nào? | - HS trả lời. |
| - Yêu cầu HS làm bài vào vở. | - HS làm bài vào vở.. |
| - GV + HS chữa bài, nhận xét. | - 1 HS làm bảng lớp + chữa bài. |
| - Chốt cách giải bài toán có lời văn. | - HS lắng nghe.S chia |
| **4. Củng cố dặn dò** |
| - GV nhận xét tiết học, dặn HS về nhà xem lại bài. |  |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TOÁN (TĂNG)

**Luyện tập về một phần ba, một phần năm, một phần sáu**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết (thông qua hình ảnh trực quan) về “một phần ba”, “một phần năm”, “một phần sáu”. Biết đọc $\frac{1}{3}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}$

- Vận dụng nội dung đã học đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Học sinh: vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| **1. Khởi động:** |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập** |
| **Bài 1**: Hình được tô màu $\frac{1}{3}$ hình là:C:\Users\Administrator\Documents\Zalo Received Files\images.png |  |
| - GV yêu cầu HS đọc đề bài. | - HS đọc yêu cầu. |
| - Yêu cầu HS quan sát các hình và xác định hình nào đã được tô màu $\frac{1}{3}$ hình. | - HS quan sát và xác định hình đã tô màu $\frac{1}{3}$ hình. |
| - GV chốt đáp án: B | - HS làm cá nhân vào PHT và giải thích cách làm. |
| => Củng cố cách tìm $\frac{1}{3}$ hình của một hình. | - HS lắng nghe |
| **Bài 2**: $\frac{1}{5}$ số con vịt trong hình là: |  |
|

|  |  |
| --- | --- |
| A. 3 con vịt | B. 4 con vịt |
| C. 5 con vịt | D. 6 con vịt |

 |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc yêu cầu |
| - Yêu cầu HS quan sát hình vẽ. | - HS quan sát |
| - Yêu cầu HS làm bài | - HS làm bài. |
| - GV + HS chữa bài. | - HS chữa bài. |
| - GV chốt đáp án đúng: A |  |
| => Củng cố cách tìm $\frac{1}{5}$ hình của một hình. | - HS lắng nghe |
| Bài 3: Tìma, 1/3 của 15l ; 18kg; 21 cmb, 1/5 của 25m; 45dm; 30 giờc, 1/6 của 36l; 12cm; 54 phút |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc yêu cầu |
| - Yêu cầu HS làm bài | - HS làm bài vào vở. |
| - GV + HS chữa bài. | - HS chữa bài. |
| - GV + HS nhận xét. | - HS nhận xét. |
| - Củng cố cách tìm 1/3; 1/5; 1/6 của một số. |  |
| **3. Vận dụng** |
| **Bài 4\*:** Một đoàn thể thao có 45 vận động viên, trong đó có 1/5 số vận động viên nữ. Hỏi đoàn thể thao đó có bao nhiêu vận động viên nữ? |
| - Yêu cầu HS đọc thầm bài toán và thảo luận theo nhóm 2. | - HS đọc thầm yêu cầu- HS thảo luận nhóm 2. |
| + Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Muốn biết có bao nhiêu vận động viên nữ ta làm như thế nào? | - HS trả lời. |
| - Yêu cầu HS làm bài vào vở. | - HS làm bài vào vở.. |
| - GV + HS chữa bài, nhận xét. | - 1 HS làm bảng lớp + chữa bài. |
| - Chốt cách giải bài toán có lời văn. | - HS lắng nghe.S chia |
| **4. Củng cố dặn dò** |
| - GV nhận xét tiết học, dặn HS về nhà xem lại bài. |  |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TOÁN (TĂNG)

**Luyện tập về một phần bảy, một phần tám, một phần chín**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết (thông qua hình ảnh trực quan) về “một phần bảy”, “một phần tám”, “một phần chín”. Biết đọc $\frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$

- Vận dụng nội dung đã học đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Học sinh: vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| **1. Khởi động:** |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập** |
| **Bài 1**: Hình đã tô màu $\frac{1}{7}$ hình là:C:\Users\Administrator\Documents\Zalo Received Files\bai-1-trang-122-sgk-toan-2.jpg |  |
| - GV yêu cầu HS đọc đề bài. | - HS đọc yêu cầu. |
| - Yêu cầu HS quan sát các hình và xác định hình nào đã được tô màu $\frac{1}{7}$ hình. | - HS quan sát và xác định hình đã tô màu $\frac{1}{7}$ hình. |
|  | - HS làm cá nhân vào PHT + giải thích cách làm. |
| - GV và HS chốt đáp án: C | - HS lắng nghe |
| => Củng cố cách tìm $\frac{1}{7}$ hình của một hình. |  |
| **Bài 2**: Các hình dưới đây đã được tô màu một phần mấy hình? |  |
|  |  |
|

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A: | B: | C: | D: |

 |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc yêu cầu |
| - Yêu cầu HS quan sát hình vẽ. | - HS quan sát |
| - Yêu cầu HS làm bài | - HS làm bài. |
| - GV + HS chữa bài. | - HS chữa bài. |
| - GV chốt đáp án đúng. |  |
| => Củng cố cách tìm một phần mấy của một hình. | - HS lắng nghe |
| **Bài 3**: Tìma, 1/7 của 21l ; 35kg; 56cmb, 1/8 của 24m; 40dm; 72 giờc, 1/9 của 36l; 18cm; 54 phút |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc yêu cầu |
| - Yêu cầu HS làm bài | - HS làm bài vào vở. |
| - GV + HS chữa bài. | - HS chữa bài. |
| - GV + HS nhận xét. | - HS nhận xét. |
| - Củng cố cách tìm 1/7; 1/8; 1/9 của một số. |  |
| **3. Vận dụng** |
| **Bài 4:** Bác Tám vừa mua 56 con thỏ và dự định làm chuồng cho chúng. Mỗi chuồng bác tính nuôi 8 con thỏ. Hỏi bác Tám cần làm mấy cái chuồng thỏ? |
| - Yêu cầu HS đọc thầm bài toán và thảo luận theo nhóm 2. | - HS đọc thầm yêu cầu- HS thảo luận nhóm 2. |
| + Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Muốn biết bác Tám cần làm mấy cái chuồng thỏ ta làm như thế nào? | - HS trả lời. |
| - Yêu cầu HS làm bài vào vở. | - HS làm bài vào vở.. |
| - GV + HS chữa bài, nhận xét. | - 1 HS làm bảng lớp + chữa bài. |
| - Chốt cách giải bài toán có lời văn. | - HS lắng nghe.S chia |
| **4. Củng cố dặn dò** |
| - GV nhận xét tiết học, dặn HS về nhà xem lại bài. |  |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** |